

Bản án số: 108/2018/HS-PT

Ngày: 20/9/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thúy Phượng**

Các thẩm phán:

Ông Lê Thành Trung

Ông Nguyễn Tuấn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ánh Tuyết** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Bai - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 111/2018/HSPT ngày 04/7/2018 đối với bị cáo Bùi Anh T và đồng phạm do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa và kháng cáo của bị cáo Bùi Anh T đối với bản án hình sự sơ thẩm số 124/2018/HS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị cáo có kháng cáo:

Bùi Anh T, sinh 1998 tại Khánh Hòa; nơi ĐKNKTT: 150/24 tổ 12 S, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 5/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Cha: Không rõ; mẹ: Bùi Thị D, sinh năm 1977; tiền sự: Không; Tiền án: Bản án số 262/2015/HSST ngày 18/12/2015 của Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 02 năm tù về tội “*Cướp giật tài sản*”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/02/2017.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/11/2017. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị cáo bị kháng nghị:

Phạm Chung H, sinh ngày 25/8/1999 tại Khánh Hòa; nơi ĐKNKTT: Tổ 19, phường Q, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở: Tổ 20, phường Q, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Cha: Phạm C (đã chết); mẹ: Huỳnh Thị H, sinh năm 1952; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân Thân: Bản án số 134/2017/HSST ngày 12/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Bản án số 192/2017/HSST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố N đã xử phạt Phạm Chung H 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tổng hợp với hình phạt 01 năm 06 tháng tù của Bản án số 134/2017/HSST ngày 12/7/2017, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 02 năm 03 tháng tù.

Bị cáo hiện đang thi hành án phạt tù của vụ án trên. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông **Võ Quốc K**, sinh năm 1978; trú tại: 80/6 đường Đ, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 11/8/2017, Bùi Anh T và Phạm Chung H rủ nhau đi trộm cắp tài sản lấy tiền mua ma túy để sử dụng. Cả hai đi bộ ngang qua nhà số 602 đường X, phường V, thành phố N, thấy cửa sắt chính khóa bên trong nên bảo nhau về tìm công cụ phá cửa. T và H quay về khu vực B mượn cờ lê từ một người tên C (không rõ lai lịch) rồi quay lại nhà số 602 đường X, phường V, thành phố N. H và T phá cửa sắt rồi đột nhập vào trong nhà trộm cắp xe máy Honda - Vision biển kiểm soát 47M1-480.45 của chị Nguyễn Thị S và xe máy Yamaha - Nozza biển kiểm soát 79N1-768.21 của anh Bùi Trung H, trong cốp xe có giấy tờ xe và 130.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, T và H khai cả hai mang hai xe mô tô trộm cắp được đến nhà Võ Quốc K ở 80/6 Đ, phường V, thành phố N để cầm thế. K nói T và H đem xe máy gửi tại bãi giữ xe của Bệnh viện G tỉnh Khánh Hòa chờ tiêu thụ, K đưa cho H và T trước số tiền 1.000.000 đồng. Số tiền này, T và H đã tiêu xài hết. Đến 18 giờ cùng ngày T và H bị phát hiện và bắt giữ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 262/TCKH ngày 25/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố N kết luận: Xe máy Honda - Vision biển kiểm soát 47M1-480.45 có giá trị 27.900.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 275/TCKH ngày 31/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố N kết luận: Xe máy Yamaha - Nozza biển kiểm soát 79N1-768.21 có giá trị 27.360.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là: 55.390.000 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số 118/2018/HS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố N đã quyết định: Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 51, Điều 69 và Điều 74

Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Bùi Anh T và Phạm Chung H; xử phạt bị cáo Bùi Anh T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; xử phạt bị cáo Phạm Chung H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tổng hợp với hình phạt 02 năm 03 tháng tù của Bản án số 192/2017/HSST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố N, buộc bị cáo Phạm Chung H phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 30/5/2018, bị cáo Bùi Anh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 14/6/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa có Quyết định kháng nghị số 741/QĐ-VKS-P7, kháng nghị toàn bộ Bản án sơ thẩm số 118/2018/HS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố N. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa hủy bản án sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử lại theo hướng khởi tố và điều tra đối với Võ Quốc K về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”; Khi xét xử cần áp dụng riêng biệt các điểm, khoản, Điều đối với từng có các tình tiết, tính chất, mức độ khác nhau để cá thể hóa hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Anh T giữ nguyên nội dung kháng cáo;

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa giữ nguyên nội dung kháng nghị và đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bị cáo Bùi Huy T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa còn trong thời hạn luật định, nên xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T vẫn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có cơ sở xác định: Khoảng 02 giờ ngày 11/8/2017, bị cáo cùng với đồng phạm khác (Phạm Chung H) đã có hành vi phá cửa sắt nhà số 602 đường X, phường V, thành phố N và đột nhập vào trong nhà lấy trộm 02 chiếc xe máy. Một xe máy hiệu Honda – Vision biển kiểm soát 47M1-480.45 của chị Nguyễn Thị S có giá trị 27.900.000 đồng và xe một xe máy hiệu máy Yamaha – Nozza biển kiểm soát 79N1-768.21 của anh Bùi Trung H có giá trị 27.360.000 đồng. Ngoài ra, trong cốp xe có giấy tờ xe và 130.000 đồng.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác (02 xe máy có trị giá 55.390.000 đồng) của bị cáo T đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Vì vậy, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh này theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác. Lợi dụng đêm khuya, bị cáo đã lén lút dùng công cụ phá khóa cửa nhà chủ sở hữu tài sản, đột nhập vào nhà và trộm cắp tài sản là 02 chiếc xe máy có giá trị lớn. Bản thân bị cáo đã có tiền án về hành vi “*Cướp giật tài sản*”, vừa mới chấp hành xong hình phạt tù chưa được bao lâu bị cáo lại tiếp tục phạm tội. Điều đó, cho thấy rất coi thường pháp luật, không chịu sửa chữa bản thân, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp “tái phạm” theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy, cần thiết phải xử phạt nghiêm bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo; áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm xét thấy không phát sinh tình tiết mới nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát:

+ Đối với nội dung kháng nghị về việc “bỏ lọt tội phạm”, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T và H khai: Sau khi trộm cắp tài sản, các bị cáo đã mang 02 chiếc xe máy đến cầm thế cho đối tượng Võ Quốc K ở số nhà 80/6 đường Đ, phường V, thành phố N, nhưng K yêu cầu T và H mang xe đến gửi tại bãi giữ xe của Bệnh viện G tỉnh Khánh Hòa và ứng trước cho T và H số tiền là một triệu đồng để tiêu xài.

Tuy nhiên, quá trình điều tra, theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Khi Cơ quan điều tra triệu tập đối tượng Võ Quốc K lên làm việc thì đối tượng này đều không đến, qua xác minh tại địa phương nơi đối tượng cư trú, thì không có mặt đối tượng. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N và Viện kiểm sát nhân dân thành phố N đã tách đối tượng Võ Quốc K ra để tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ và sẽ xử lý sau. Vì vậy, khi xét xử Tòa án sơ thẩm đã không đề cập đến nội dung này.

Sau khi có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa, trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 31/8/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã có công văn số 164/CV-TA yêu cầu Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N trả lời về việc có tiến hành tiếp tục điều tra, làm rõ hành vi của đối tượng Võ Quốc K hay không và cung cấp tài liệu kèm theo.

Ngày 12/9/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã nhận được văn bản trả lời của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N cùng các tài liệu kèm theo, thể hiện Cơ quan điều tra vẫn đang tiến hành điều tra, xác minh làm rõ hành vi của Võ Quốc K.

Vì vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị hủy vụ án vì nội dung này là chưa cần thiết, nên không chấp nhận.

+ Đối với nội dung kháng nghị bản án sơ thẩm không áp dụng riêng biệt các điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự đối với từng bị cáo khi quyết định hình phạt.

Xét thấy: Trong vụ án này, có bị cáo Phạm Chung H khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi và chưa có tiền án, tiền sự (khác với bị cáo Bùi Anh T), nên khi quyết định hình phạt cần phải áp dụng các điều, khoản, điểm của Bộ luật hình sự riêng biệt và đúng theo quy định của pháp luật đối với bị cáo Phạm Chung H.

Mặc dù, khi xét xử cấp sơ thẩm đã nhận định đầy đủ về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của từng bị cáo, đường lối xét xử đối với người chưa thành niên phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo trong bản án, nhưng trong phần quyết định lại không ghi tách biệt, rõ ràng các điều, khoản, điểm áp dụng đối với từng bị cáo là không đúng với hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về xét xử sơ thẩm hình sự.

Kháng nghị của Viện kiểm sát về nội dung này là đúng, nhưng đây không phải là căn cứ để sửa bản án sơ thẩm, nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp với nhận định của bản án sơ thẩm. Đồng thời, cấp sơ thẩm cũng cần phải nghiêm túc rút kinh nghiệm đối với vấn đề này.

Với những nhận định như trên, nên không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa

Về án phí: Bị cáo Bùi Anh T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Phạm Chung H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa.
2. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Anh T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Bùi Anh T.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Anh T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 69 và Điều 74 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Phạm Chung H;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Chung H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tổng hợp với hình phạt 02 năm 03 tháng tù của Bản án số 192/2017/HSST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố N, buộc bị cáo Phạm Chung H phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù.

2. Về án phí: Bị cáo Bùi Anh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Phạm Chung H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- TAND TP. N;
- VKSND TP. N
- Công an TP. N;
- THADS TP. N;
- Bị cáo; Lưu HS

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thúy Phượng